



yǔ diǎn

雨点

noun · raindrop

Example Sentences

Yǔ diǎn dǎ zài chuāng hu shàng

雨点打在窗 户 上。

Raindrops hit the window.

yǔ diǎn yuè lái yuè dà le

雨点越来越大了。

The raindrops are getting bigger.

Trace each character, then write the word on your own.

雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨
点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点
点										